

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-PT

Ngày 17/5/2023

V/v ly hôn, giải quyết công nợ

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Trưởng.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thanh Hải và Nguyễn Thị Mai H.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ L số: 05/2023/TLPT- HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn, giải quyết công nợ”.

Do bản án Hôn nhân gia đình số 07/2023/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2023/QĐPT- HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Hồng D, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổng Công ty đầu tư phát triển H. S - Tổng Công ty 86; đường L.H, thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam. Tạm trú: Số 8, L Đạo Thành, phường Tr, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, có mặt.

**3. Bị đơn:** Bà Phạm Thị Thanh H, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 88, tổ 9, phường H.B.T, thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam, có mặt.

***Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giải quyết về tài sản:*** Ông Đặng Đình T, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ 22, phường Ph, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, có mặt.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Ngô Thị Hồng L, sinh năm 1973 và ông Đinh Văn Q, sinh năm 1969; cùng địa chỉ: Tổ 13, phường G.T, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội; vắng mặt có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt.

#### **4. Người làm chứng:**

+ Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1956; địa chỉ: Số 18, đường 1, khu tập thể F361 An, phường Y, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, có mặt.

- Ông Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 7/9 đường 385 phường T. A, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1942 và Bà Trần Thị Lan, sinh năm 1946. Đều có địa chỉ: Thôn Tr, xã Lh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, vắng mặt.

- Bà Ngô Thị Hồng C, sinh năm 1977; Nơi ĐKKHKT: Số 8, L Đạo Thành, phường Tr, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; Nơi làm việc: Phòng hành chính Văn phòng chính phủ, số 1 Hoàng Hoa Thám, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Lưu PH, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ 9, phường H.B.T, thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam, có mặt.

**5. Người kháng cáo:** Ông Nguyễn Hồng D; bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn Th, đều có mặt.

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Hồng D trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông D và bà Phạm Thị Thanh H lấy nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/9/2016 tại Ủy ban nhân dân phường H.B.T, thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà của bà H đến tháng 4 năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về quản lý kinh tế, cách ứng xử, đối nhân xử thế. Ngày 15/4/2018 ông D đã dọn ra cơ quan ở hơn một tháng sau đó bà H có ra nói chuyện để ông quay về nhà cùng với tác động của gia đình nên ông D đã quay trở về vợ chồng sống bình yên, xong mọi cố gắng đều vô nghĩa vì mâu thuẫn càng căng thẳng, đến ngày 25/11/2018 sau khi bà H yêu cầu ông dọn đồ đạc ra khỏi nhà, vợ chồng đã sống ly Th từ thời điểm đó đến nay.

Năm 2019, ông gửi đơn xin ly hôn ra Tòa, sau đó rút đơn ly hôn nhưng cũng không thể đoàn tụ được. Năm 2020, ông tiếp tục gửi đơn khởi kiện xin ly hôn. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phạm Thị Thanh H.

- Về con chung, con nuôi: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về con riêng: Ông D có một con riêng tên là Nguyễn Tâm Trang. Bà H có hai con riêng là Nguyễn Tích Phúc và Nguyễn Thị Lưu PH đã đủ tuổi, trưởng thành, không liên quan đến nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thống nhất giải quyết bằng bản cam kết ghi tay cùng nhau ký vào ngày 25/01/2019. Các văn bản thỏa thuận chia tài sản

vợ chồng số 247, 248, 250, 251; quyền số 01 TP/SCC/HĐGD ngày 11/4/2019 nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công nợ: Vợ chồng không có công nợ gì.

*\* Bị đơn bà Phạm Thị Thanh H trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà và ông D lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/9/2016 tại Ủy ban nhân dân phường H.B.T, thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn ông D về chung sống cùng bà tại số nhà 88, đường Bùi Dị, phường H.B.T, thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam (nhà của bà có trước khi kết hôn với ông D cũng là nơi bà kinh doanh hàng ngày). Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận đến khoảng ngày 02/9/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông D đối với con riêng của nhau là không công bằng, bản Th bà luôn cố gắng làm mọi thứ để đáp ứng theo ý của ông D. Mỗi khi về gia đình nhà chồng có công, có việc thì gia đình ông D và vợ cũ của ông D không đồng ý cho mẹ con bà về. Ông D thường xuyên qua lại với nhân tình cũ và con riêng không hợp pháp với người khác. Ngoài ra, vợ chồng còn mâu thuẫn về kinh tế, sau khi kết hôn ông D không giữ cam kết mà ông D và bà đã thỏa thuận trước khi kết hôn. Ông D thường xuyên gây sự, kiếm cớ giận dữ để bỏ nhà đi theo nhân tình, vợ chồng đã sống ly Th từ ngày 25/01/2019 đến nay. Nay ông D xin ly hôn thì bà không đồng ý vì bà xác định bà không có lỗi.

- Về con chung, con nuôi: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về con riêng: Bà và ông D đều có con riêng, các cháu đã đủ trưởng thành, không liên quan đến nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại bà không có thai nghén gì.

- Về công nợ: Trước khi bà kết hôn với ông D thì bản Th ông D có nợ gia đình bà C (vợ cũ) số tiền 500.000.000đ, vợ cũ của ông D yêu cầu ông D phải trả số tiền 500.000.000đ tiền gốc và lãi thì mới ký đơn ly hôn. Vì vậy, trước khi kết hôn bà đã chuyển khoản cho bà Ngô Thị Hồng L (là chị gái của vợ cũ anh D) số tiền 300.099.000đ tiền gốc bằng hình thức chuyển khoản qua Ngân hàng MPBank chi nhánh Hà Nam và tiền lãi nộp vào tài khoản của ông Đinh Văn Q (là chồng của bà Ngô Thị Hồng L) thuộc ngân hàng Teccombank mỗi tháng một lần từ ngày 02/6/2015 đến ngày 23/8/2016 là 15 tháng với số tiền là 85.042.000đ. Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D phải trả lại bà số tiền 385.141.000đ mà bà đã đứng ra trả nợ cho ông D trước khi ông D kết hôn với bà H và yêu cầu ông D phải trả lãi theo quy định của pháp luật.

- Về công nợ chung và tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận và đã giải quyết tại Văn phòng công chứng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa sơ thẩm bà H yêu cầu ông D thanh toán số tiền 650 triệu đồng bà H chuộc nhà, đất cho bố mẹ chồng là ông Đ và bà Lan.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến như sau:*

- Bà Ngô Thị Hồng L và ông Đinh Văn Q có quan điểm: Vợ chồng bà có nhận số tiền 385.141.000đ do ông D nhờ bà H chuyển 300.000.000đ vào tài khoản của bà L và 99.000đ là phí chuyển tiền và số tiền 85.042.000đ vào tài

khoản đứng tên ông Đinh Văn Q để tất toán với ngân hàng Techcombank. Số tiền 385.141.000đ là tiền lãi và gốc hàng tháng ông D phải trả cho ngân hàng nhưng nhờ ông Q đứng tên vay. Bà khẳng định vợ chồng bà không quen biết và chưa bao giờ liên lạc với bà H. Việc bà H yêu cầu ông D trả số tiền 385.141.000đ vợ chồng bà không biết. Trường hợp giữa ông D và bà H có thỏa thuận như bà H khai thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông Q, bà L cho rằng bận công việc nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn Th: Trong hồ sơ vụ án ông có yêu cầu giải quyết liên quan đến việc mua bán và cho ông bà Đ, Lan được chuộc nhà, đất ở Trung Nghĩa, Liên Minh, Vụ Bản, Nam Định. Ông đã xác định rõ không liên quan đến phạm vi xét xử nên ông không liên quan quyền và nghĩa vụ trong vụ án này về tài sản, công nợ. Tuy ông không được trực tiếp chứng kiến bà H trả tiền ông Q, bà L vì năm 2020 ông mới được bà H thông tin lại nhưng ông tin là bà H trình bày là sự thật, vì thời điểm từ năm 2012 đến năm 2016 ông D gặp quá nhiều khó khăn về tài chính nên không có khả năng trả nợ ông Q, bà L. Vì vậy ông có cơ sở thực tế tin lời trình bày của bà H là sự thật.

*Người làm chứng:*

Chị Nguyễn Thị Lưu PH có quan điểm: Chị cùng mẹ là bà H nhiều lần ra ngân hàng chuyển tiền cho ông Q, bà L; ông D có cam kết hứa hẹn nhiều lần giải quyết số tiền này nhưng không trả bà H. Chính vì ông D đòi ly hôn với bà H nên bà H mới đòi lại số tiền trả nợ thay cho ông D, việc bà H ký đơn thuận tình ly hôn là do ông D gây áp lực trong khi mẹ đẻ bà H nằm viện và chết là đúng sự thật.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 07/2023/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 244 và các Điều 228, 229, 271; 273; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 43, 45 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Hồng D: Xử lý hôn giữa ông Nguyễn Hồng D và bà Phạm Thị Thanh H.

2. Về con chung, con nuôi: không có.

3. Về con riêng: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về công nợ: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh H. Buộc ông Nguyễn Hồng D phải hoàn trả bà Phạm Thị Thanh H số tiền 385.141.000đ (ba trăm tám mươi lăm triệu một trăm bốn mươi một nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

- Ngày 08 tháng 3 năm 2023, nguyên đơn là ông Nguyễn Hồng D kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của bà H buộc ông D phải trả bà H số tiền 385.141.000 đồng.

- Ngày 05 tháng 3 năm 2023, bị đơn là bà Phạm Thị Thanh H và người đại diện theo ủy quyền của bà H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm: Bác bỏ nội dung bản án, quyết định sơ thẩm, bà không đồng ý ly hôn. Đề nghị Tòa án buộc ông D phải giải quyết hết các vấn đề kinh tế tài sản trả lại bà H trước khi giải quyết thủ tục ly hôn; Buộc ông D phải trả lại bà H số tiền 385.141.000 đồng, gồm cả gốc và lãi theo quy định của pháp luật; bà yêu cầu ông D, ông Đ, bà Lan phải hoàn trả bà H số tiền 650.000.000 đồng mà bà H đã đóng góp trong quá trình tôn tạo nhà, gồm cả gốc và lãi theo quy định của pháp luật; bác bỏ tính pháp L của Hợp đồng ủy quyền số 249 ngày 11/4/2019 vì ông D đã uy hiếp, đe dọa, bức ép, buộc bà H phải ký Hợp đồng chứ bà H không tự nguyện ký.

- Ngày 09 tháng 3 năm 2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Th kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại những chi tiết liên quan đến ý kiến của ông Th trong bản án sơ thẩm.

*\* Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Nguyên đơn ông Nguyễn Hồng D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, ông thừa nhận bà H trả nợ thay cho ông số tiền là 385.141.000 đồng cho ông Q bà L nhưng đây là khoản hỗ trợ của bà H khi tìm hiểu nhau để tiến tới hôn nhân, khi vợ chồng đăng ký kết hôn hàng tháng ông đã đưa lương cho bà H. Số tiền này không phải là khoản vay nên không đồng ý trả bà H. Ông D thừa nhận không có tài liệu chứng cứ chứng minh đã trả bà H số tiền này.

- Bị đơn bà Phạm Thị Thanh H và người đại diện theo ủy quyền của bà H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng bà H bị ép ký đơn ly hôn, yêu cầu ông D phải trả số tiền là 385.141.000 đồng là tài sản riêng của bà trước khi kết hôn, do ông D tha thiết đề nghị, thúc ép bà H trả nợ (bà không tự nguyện) và thừa nhận khi trả nợ thay cho ông D các bên không có thỏa thuận khi nào về thời gian trả và lãi suất nếu không ly hôn thì bà H không đòi ông D số tiền này. Nay yêu cầu ông D trả 385.141.000 đồng và lãi từ năm 2016 đến nay và phải trả ngay tại phiên tòa thì bà H mới đồng ý ly hôn. Ngoài ra, bà H yêu cầu ông D, ông Đ, bà Lan (bố mẹ ông D) phải hoàn trả bà H số tiền 650.000.000 đồng mà bà H đã đóng góp trong quá trình tôn tạo nhà tại Vụ Bản, tỉnh Nam Định, gồm cả gốc và lãi theo quy định của pháp luật; bác bỏ tính pháp L của Hợp đồng ủy quyền số 249 ngày 11/4/2019 vì ông D đã uy hiếp, đe dọa, bức ép, buộc bà H phải ký Hợp đồng chứ bà H không tự nguyện ký.

- Ông Nguyễn Văn Th thừa nhận không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì đến vụ án ly hôn giữa ông D và bà H.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam phát biểu quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn Th không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì đến tài sản, công nợ của ông D, bà H. Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Th là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không chính xác, ông Th chỉ tham gia vụ án này với tư cách là người làm chứng. Vì vậy, kháng cáo của ông Th là không hợp pháp nên không được xem xét.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hồng D, bà Phạm Thị Thanh H; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 07/2023/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam. Án phí phúc thẩm: Ông D, bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Hồng D, bà Phạm Thị Thanh H, ông Nguyễn Văn Th trong thời hạn luật định và đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định nên vụ án thuộc thẩm quyền xét xử cấp phúc thẩm. Bà Ngô Thị Hồng L và ông Đinh Văn Q có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt; người làm chứng Nguyễn Văn Đ và Bà Trần Thị Lan vắng mặt không liên quan đến phạm vi xét xử phúc thẩm nên Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục chung. Do vậy, bà Phạm Thị Thanh H, đại diện ủy quyền của bà H đề nghị hoãn phiên tòa không được chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Th thừa nhận không có quyền, nghĩa vụ (tài sản, công nợ) trực tiếp liên quan đến vụ án ly hôn giữa ông D, bà H. Do vậy, xác định ông Th không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự nên ông Th không có quyền kháng cáo đối với các quyết định của bản án sơ thẩm như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Hà Nam.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Hồng D:

Xét thấy, các đương sự gồm bà H, ông D, ông Q, bà L đều xác định thống nhất về giao dịch chuyển tiền, số lần chuyển, thời gian chuyển, số tiền đã chuyển và đã nhận, người nhận tiền, L do nhận tiền là trả số nợ của ông D đối với ông Q và bà L trước khi kết hôn. Cụ thể là từ 02/6/2015 đến 24/8/2016 bà H đã chuyển cho ông Q và bà L tổng số tiền 385.141.000 đồng qua Ngân hàng để

trả khoản nợ của ông D với ông Q, bà L. Như vậy đủ cơ sở xác định bà H đã thanh toán nợ thay ông D trước khi kết hôn số tiền 385.141.000 nên căn cứ theo quy định tại Điều 43, 45 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là tài sản riêng của bà H. Tại phiên tòa phúc thẩm ông D không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông D thanh toán cho bà H số tiền này nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông D phải hoàn trả cho bà H 385.141.000 đồng là phù hợp. Do vậy, kháng cáo của ông D không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của bà Phạm Thị Thanh H và người đại diện theo uỷ quyền của bà H:

[3.1] Xét kháng cáo về việc không đồng ý ly hôn với ông D:

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông, bà chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến ngày 02/9/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cách ứng xử của đôi bên và mâu thuẫn về kinh tế. Vợ chồng đã sống ly Th từ năm 2019 đến nay điều đó chứng tỏ mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ theo quy định tại các Điều 51, 54, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử ly hôn giữa ông Nguyễn Hồng D và bà Phạm Thị Thanh H là phù hợp.

Bà H kháng cáo yêu cầu ông D phải giải quyết hết các vấn đề kinh tế tài sản trả lại bà H trước khi giải quyết thủ tục ly hôn. Xét, ông D là nguyên đơn có quyền định đoạt về yêu cầu khởi kiện, không phụ thuộc ý chí, điều kiện của bị đơn đưa ra, đồng thời bà H không đồng ý ly hôn là do chưa giải quyết về các vấn đề kinh tế tài sản chứ không phải do còn tình cảm với ông D để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình.

Do vậy, kháng của bà H là không có căn cứ để chấp nhận.

[3.2] Xét kháng cáo yêu cầu ông D phải trả lãi đối với số tiền 385.141.000 đồng bà H đã trả nợ thay cho ông D. Xét thấy: Bà H tự nguyện trả nợ thay ông D đồng đối với ông Q, bà L số tiền 385.141.000 đồng. Bản chất đây là khoản tiền bà H hỗ trợ ông D trả nợ trước khi kết hôn nên được xác định là khoản vay không kỳ hạn, không lãi. Nay ly hôn, bà H đòi khoản tiền này cấp sơ thẩm đã buộc ông D phải trả lại bà H số tiền 385.141.000 đồng là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm bà H không đưa ra tài liệu, căn cứ chứng minh, do vậy kháng cáo này của bà H không được chấp nhận.

[3.3]. Xét kháng cáo yêu cầu ông D, ông Đ, bà Lan phải hoàn trả số tiền 650.000.000 đồng gốc và lãi mà bà H đã đóng góp trong quá trình tôn tạo nhà, đất. Xét thấy: Tại biên bản hoà giải ngày 23/6/2021, bà H xác định khoản tiền 650.000.000 đồng giữa bà và ông D đã thỏa thuận tự giải quyết trong biên bản thỏa thuận giải quyết tài sản của vợ chồng ngày 11/4/2019 tại Văn phòng công chứng Lê Liên nên bà không có ý kiến gì về số tiền này nữa (Bút lục số 81). Như vậy, bà H không yêu cầu giải quyết số tiền này là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự, cấp sơ thẩm đã căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định yêu cầu giải quyết về tài sản vượt quá phạm vi khởi kiện lần đầu nên không thuộc giới hạn xét xử của vụ án; nếu bà H

có yêu cầu giải quyết tranh chấp thì khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ. Do vậy, kháng cáo này của bà H không thuộc phạm vi xét xử của cấp phúc thẩm nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] Xét kháng cáo yêu cầu bác bỏ tính pháp L của Hợp đồng số 249 ngày 11/4/2019. Xét thấy, tại cấp sơ thẩm bà H không yêu cầu giải quyết đối với nội dung này. Do vậy, yêu cầu này không thuộc phạm vi xem xét của cấp phúc thẩm, vì vậy không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Nguyễn Hồng D, bà Phạm Thị Thanh H không chấp nhận nên ông D, bà H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn Hồng D, bà Phạm Thị Thanh H.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 07/2023/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 244 và các Điều 228, 229, 271; 273; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 43, 45 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Hồng D: Xử lý hôn giữa ông Nguyễn Hồng D và bà Phạm Thị Thanh H.

2. Về con chung, con nuôi: không có.

3. Về con riêng: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về công nợ: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh H. Buộc ông Nguyễn Hồng D phải hoàn trả bà Phạm Thị Thanh H số tiền 385.141.000đ (ba trăm tám mươi lăm triệu một trăm bốn mươi một nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

4. Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Hồng D, bà Phạm Thị Thanh H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ ông D đã nộp theo biên lai số 0001619 và bà H đã nộp theo biên lai số 0001621 ngày 09/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ L được đối trừ khi thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND thành phố Phủ L;
- Chi cục THADS thành phố Phủ L;
- UBND phường H.B.T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quốc Trường**